

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH: THÚ Y
(VETERINARY MEDICINE)

MÃ SỐ: 60.64.01.01

Đắk Lắk, năm 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

CHUYÊN NGÀNH

: THÚ Y

TÊN TIẾNG ANH

: VETERINARY MEDICINE

MÃ SỐ

: 60.64.01.01

Đắk Lắk, năm 2015

MỤC LỤC

1.	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	1
2.	THỜI GIAN ĐÀO TẠO.....	2
3.	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH.....	2
4.	KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH	3
5.	CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH	3
6.	ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	3
7.	THANG ĐIỂM.....	3
8.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	4
11.	MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG HỌC PHẦN	10
13.	CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP	17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

*(Ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 08 tháng 01 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)*

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
Ngành đào tạo : Thú y (Veterinary medicine)
Loại hình đào tạo : Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Trang bị những kiến thức sau đại học và nâng cao kỹ năng thực hành về thú y; đào tạo đội ngũ những người làm khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ cao đáp ứng nhu cầu của xã hội trong mọi lĩnh vực: đào tạo, nghiên cứu, quản lý.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

- Về kiến thức

Nâng cao nhận thức về chính trị, kiến thức về ngoại ngữ; có năng lực chuyên môn cao trong chẩn đoán, phòng, trị và kiểm soát dịch bệnh động vật; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Thú y.

- Về kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp

Tổng hợp và giải quyết những vấn đề về kỹ thuật, tổ chức, quản lý trong công tác thú y cũng như giải quyết công việc một cách khoa học. Phân tích, tổng hợp các vấn đề từ thực tiễn để đưa vào sản xuất. Yêu ngành yêu nghề, nhiệt tình làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Về khả năng công tác

Thạc sĩ Thú y có khả năng làm việc ở các vị trí sau: Cán bộ quản lý ở các cơ quan quản lý thú y các cấp; Cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp trong lĩnh vực thú y quốc doanh và tư nhân; Cán bộ giảng dạy ở các cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp và dạy nghề Thú y; Cán bộ nghiên cứu ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu động vật; Cán bộ dự án ở các ban quản lý chương trình, dự án liên quan đến thú y.

1.3. Phương pháp đào tạo

Kết hợp các hình thức học tập trên lớp, phòng thí nghiệm (lý thuyết, báo cáo chuyên đề, sinh hoạt học thuật, ...) với tự học tập, tự nghiên cứu và đặc biệt chú trọng việc phát huy năng lực thực hành, kỹ năng nghiên cứu khoa học, năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Đào tạo theo hệ tập trung 2 năm, tổ chức giảng dạy trong 4 học kỳ, mỗi năm tổ chức thành 2 học kỳ. Ở mỗi học kỳ thời gian lên lớp học lý thuyết và thực hành trong 10-12 tuần lễ (30 tiết chuẩn/tuần), thời gian còn lại dành cho học viên tham khảo tài liệu tại thư viện, tự học hoặc làm việc với cán bộ hướng dẫn để định hướng đề tài nghiên cứu tốt nghiệp.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh có đủ các điều kiện sau đây được dự thi đào tạo thạc sĩ:

3.1. Về văn bằng:

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ Thú y và Kỹ sư Chăn nuôi Thú y.
- Có bằng tốt nghiệp Kỹ sư Chăn nuôi, Dược sĩ thú y phải học bổ sung kiến thức các môn học do trường Đại học Tây Nguyên quy định. (Bệnh truyền nhiễm 2TC, bệnh ký sinh trùng 2TC, bệnh nội khoa 2TC, ngoại khoa 2TC, bệnh lý học thú y 2TC, Dược lý học thú y 2TC).
- Có bằng tốt nghiệp các ngành học khác, gần với chuyên ngành Thú y sẽ xem xét và quyết định các môn học bổ sung.

3.2. Về thâm niên công tác:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.
- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 12 tháng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Thú y kể từ khi tốt nghiệp đại học (tính từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự thi.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Nguyên.

3.3. Các môn thi tuyển

+ Ngoại ngữ: tiếng Anh

+ Môn cơ bản: Toán xác suất thống kê

+ Môn cơ sở: Sinh lý động vật

4. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số: 60 TC

- Kiến thức chung:	09 TC
• Triết học:	03 TC
• Tiếng Anh:	06 TC
- Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41 TC

Trong đó:

+ Nhóm Cơ sở: 17 TC

+ Nhóm Chuyên ngành: 24 TC

- Luận văn tốt nghiệp 10 TC

5. CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH

5.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sỹ, chuyên ngành Thú y được xây dựng trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT – BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào nhu cầu và thực tiễn trong nước và trên cơ sở tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước về đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Thú y.

5.2. Giáo trình, tài liệu

Giáo trình, sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy và học tập dựa vào các giáo trình tài liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho bậc cao học và giáo trình, bài giảng của trường Đại học Tây Nguyên, đồng thời tham khảo để sử dụng tài liệu giáo trình, sách, kết quả nghiên cứu, tạp chí của các trường đại học trong và ngoài nước về Thú y.

5.3. Thực hành, kiến tập, thực tập

Các học phần có thực hành, thực tập được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo sau đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ và Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ (ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT – BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sỹ hiện hành của Trường Đại học Tây Nguyên.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số: 60TC

Kiến thức chung: 09TC (bắt buộc: 9TC, tự chọn: 0TC)

Kiến thức cơ sở: 17TC (bắt buộc: 9TC, tự chọn: 8TC)

Kiến thức chuyên ngành: 24TC (bắt buộc: 14TC, tự chọn: 10TC)

Luận văn tốt nghiệp: 10TC (bắt buộc: 10TC, tự chọn: 0TC)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã số	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	Thực tập
KIẾN THỨC CHUNG		9	9	0
TR810001	Triết học	3	3	0
TA810099	Tiếng Anh	6	6	0
KIẾN THỨC CƠ SỞ		17	17	0
Các môn bắt buộc:		9	8	1
CN811004	Sinh lý động vật	3	2.5	0.5
TY811007	Vi sinh vật học thú y	2	2	0
TY811010	Miễn dịch học Thú y	2	2	0
TY811011	Bệnh lý học thú y	2	1.5	0.5
Các môn tự chọn (Chọn 8/14 tín chỉ):		8	8	0
TY811012	Thú y cộng đồng	2	2	0
TY811013	Bệnh dinh dưỡng	2	2	0
TY811014	Virut học thú y	2	2	0
TY811015	Dược lý học thú y	2	2	0
CN811009	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	0
CN811006	Dinh dưỡng động vật	2	1.5	0.5 (khác với CN?)
CN811005	Di truyền động vật	2	2	0
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		24	22.5	1.5
	Các môn bắt buộc:	14	12.5	1.5
TY812016	Bệnh sinh sản gia súc	3	2.5	0.5

TY812017	Bệnh nội khoa gia súc	2	2	0
TY812018	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	3	3	0
TY812019	Bệnh ký sinh trùng thú y	2	1.5	0.5
TY812021	Bệnh truyền nhiễm động vật	2	1.5	0.5
TY812022	Dịch tễ học thú y	2	2	0
Các môn tự chọn (Chọn 10/18 tín chỉ):		10	10	0
TY812023	Chuyên đề bệnh chó mèo	2	2	0
TY812024	Bệnh của động vật thủy sản	2	2	0
TY812025	Bệnh của động vật hoang dã	2	2	0
TY812026	Chuyên đề bệnh gia súc nhai lại	2	2	0
TY812027	Vệ sinh Thú y	2	2	0
CN811008	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	2	2	0
TY812028	Ngoại khoa thú y	2	2	0
CN812020	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới	2	2	0
CN812027	Kỹ thuật nuôi ong	2	2	0
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		10	0	10
TY814999		10	0	10
TỔNG CỘNG		60	48.5	11.5

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

I. Học kỳ 1:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	LT	TH	
TR810001	Triết học	3	3	0	Khoa Lí luận Chính trị

CN811004	Sinh lý gia súc	3	2.5	0.5	TS. Nguyễn Tấn Vui; TS. Nguyễn Tuấn Hùng
TY811011	Bệnh lý học thú y	2	1.5	0.5	TS. Đinh Nam Lâm
TY811007	Vi sinh vật học thú y	2	2	0	TS. Cao Văn Hồng
TY811010	Miễn dịch học thú y	2	2	0	TS. Hoàng Mạnh Lâm; TS. Cao Văn Hồng
	Cộng học kỳ 1:	12	11	1	

II. Học kỳ 2:

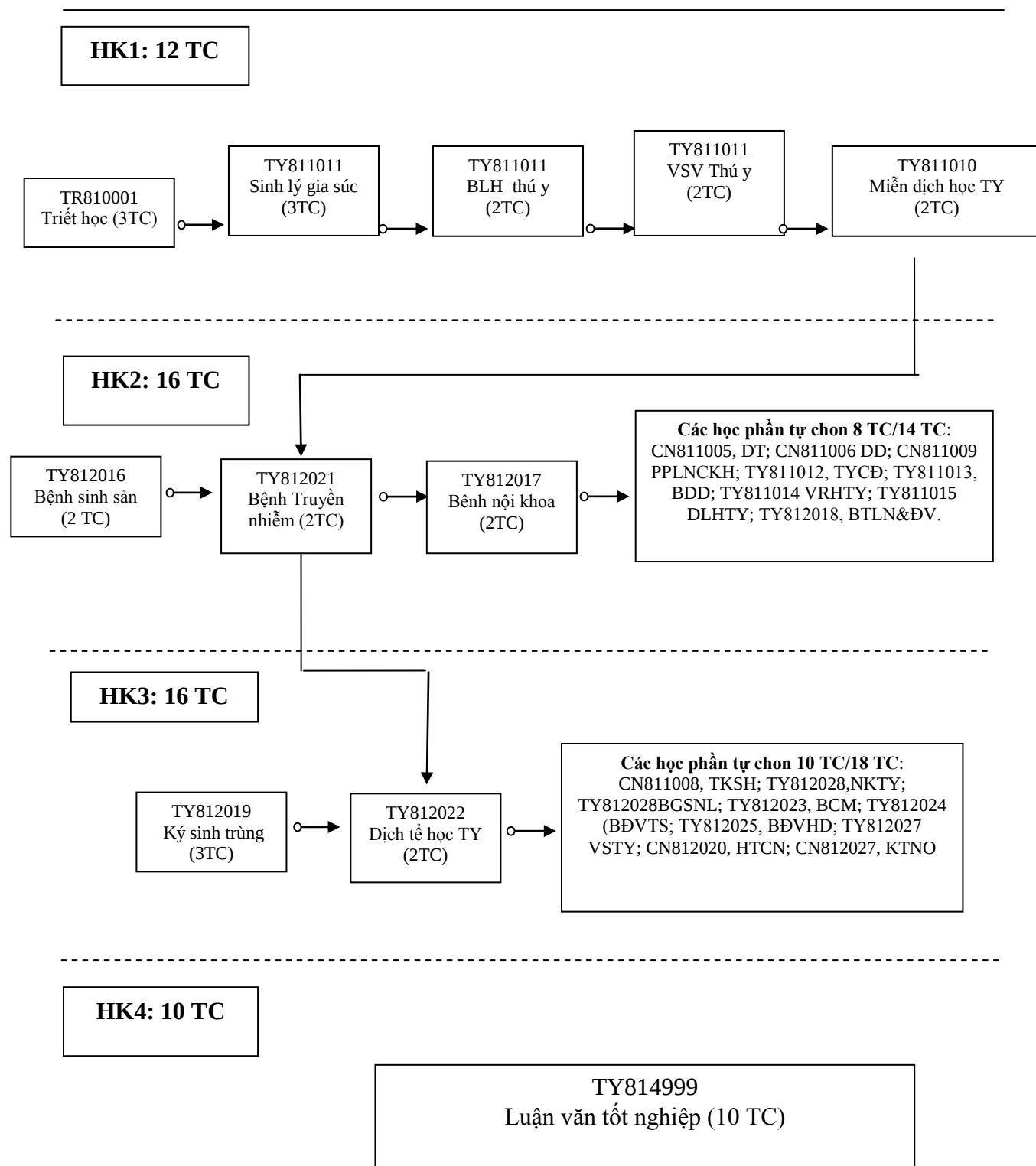
TT	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	L T	TH	
TY81201 6	Bệnh sinh sản gia súc	3	2.5	0.5	PGS.TS Ng. Văn Thanh TS. Nguyễn Tuấn Hùng
TY81202 1	Bệnh truyền nhiễm động vật	2	1.5	0.5	TS. Cao Văn Hồng
TY81201 7	Bệnh nội khoa gia súc	2	2	0	TS. Nguyễn Cảnh Tự
	Di truyền động vật (2TC)	8	8	0	TS. Phạm Thế Huệ
CN81100 6	Dinh dưỡng động vật (2TC)			0	TS. Trương Tấn Khanh; TS. Trần Quang Hạnh
CN81100 9	PP luận NC khoa học (2TC)			0	PGS.TS. Trần Quang Hân
TY81101 2	Thú y cộng đồng (2TC)			0	TS. Nguyễn Văn Diên
TY81101 3	Bệnh dinh dưỡng (2TC)			0	TS. Trương Tấn Khanh; TS. Trần Quang Hạnh
TY81101 4	Virut học thú y (2TC)			0	TS. Hoàng Mạnh Lâm; GS.TS. Ng. Như Thanh

TY81101 5	Dược lý học thú y (2TC)			0	TS. Nguyễn Thị Oanh; TS. Trần Đức Hạnh
TY81201 8	Bệnh truyền lây giữa ĐV và người	2	2	0	TS. Nguyễn Văn Diên
	Cộng học kỳ 2:	17	16	1	
III. Học kỳ 3:					
TT	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	LT	TH	
TY81201 9	Bệnh ký sinh trùng thú y	2	1.5	0.5	TS. Nguyễn Văn Diên
TY81202 2	Dịch tễ học thú y	2	2	0	TS. Cao Văn Hồng
CN81100 8	Thống kê SH và thiết kế thí nghiệm (2TC)	10	10	0	TS. Văn Tiến Dũng
TY81202 8	Ngoại khoa thú y			0	TS. Vũ Như Quán
TY81202 6	Chuyên đề bệnh gia súc nhai lại (2TC)			0	PGS. TS. Nguyễn Văn Thanh; TS. Văn T. Dũng
TY81202 3	Chuyên đề bệnh chó mèo (2TC)			0	TS. Đinh Nam Lâm
TY81202 4	Bệnh của động vật thủy sản (2TC)			0	TS. Võ Văn Nha; TS. Nguyễn Thị Thu Hà
TY81202 5	Bệnh của động vật hoang dã (2TC)			0	TS. Võ Đình Sơn
TY81202 7	Vệ sinh thú y (2TC)			0	TS. Hoàng Mạnh Lâm
CN81202 0	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới (2TC)			0	PGS. TS. Vũ Chí Cương; TS. Vũ Tiến Quang
CN81202 7	Khoa học ong mật (2TC)			0	TS. Vũ Tiến Quang
	Cộng học kỳ 3:	15	14.5	0.5	

IV. Học kỳ 4: Thực hiện luận văn và bảo vệ luận văn

TT	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			
		Tổng	LT	TH	
1	Thực hiện đề tài	10	0	10	Tiếp tục thực hiện đề tài
1.1	Báo cáo tiến độ thực hiện luận văn				
1.2	Nộp luận văn				K. CNTY + P. SDH
1.3	Thông qua Bộ môn/Khoa				
1.4	Bảo vệ luận văn				Hội đồng

12. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



11. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG HỌC PHẦN

12. TR810001. TRIẾT HỌC

Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Điều kiện hình thành, đặc điểm cơ bản và ảnh hưởng của các trào lưu triết học phương Tây, phương Đông đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cũng như sự phát triển của khoa học trong lịch sử. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành và đặc điểm của triết học Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội – cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ. TA810099TIẾNG ANH B1

Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn đọc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về tiểu sử bản thân, và trình bày 1 chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 -120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.

2) CN811003. HÓA SINH ĐỘNG VẬT

Hóa sinh động vật giảng dạy cho cao học là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của hệ thống kiến thức trang bị cho một thực sĩ hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Bằng ngôn ngữ hóa học, hóa sinh học mô tả các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng, vốn là nền tảng của mọi quá trình sinh lý, bệnh lý, sinh trưởng, phát triển, di truyền, biến dị ... của sinh vật.

3) CN811004. SINH LÝ ĐỘNG VẬT

Sinh lý gia súc là một học phần khoa học cơ sở của ngành chăn nuôi thú y và nó trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về cơ chế điều chỉnh các hoạt động sống

trong mối qua hệ tương tác với môi trường sống nhằm duy trì hoạt động sống bình thường và tạo ra sản phẩm chăn nuôi theo định hướng.

Học phần sinh lí gia súc gồm 5 chương và 1 bài thực tập: (1) Cơ chế điều khiển thần kinh – nội tiết, (2) Sinh lý tiêu hóa và trao đổi chất (3) Sự chọn lựa thức ăn cơ sở của trao đổi chất an toàn, (4) Sinh lý thích nghi (5) Sinh lý sinh trưởng và phát triển. Nội dung của các chương có liên quan mật thiết với nhau, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống và cập nhật sinh lí gia súc và những ứng dụng cơ chế trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe gia súc.

Phần thực tập chủ yếu hướng dẫn học viên phương pháp sử dụng các công nghệ cao trong việc các chỉ tiêu sinh lý và việc đánh giá các chỉ tiêu trong mối quan hệ tương tác với cơ thể và môi trường.

4) VI SINH VẬT HỌC THÚ Y

Tế bào Lympho B và đáp ứng miễn dịch dịch thể; tế bào Lympho T và đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào; Tế bào trình diện kháng nguyên; kiểm soát, điều hòa đáp ứng miễn dịch; miễn dịch ghép.

Một số nhiệm vụ của vi sinh vật Thú y. Các phương pháp phân lập, giám định vi sinh vật gây bệnh. Một số vi sinh vật gây bệnh ở động vật. Vacxin.

5) MIỄN DỊCH HỌC THÚ Y

Tế bào Lympho B và đáp ứng miễn dịch dịch thể; tế bào Lympho T và đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào; Tế bào trình diện kháng nguyên; kiểm soát, điều hòa đáp ứng miễn dịch; miễn dịch ghép.

6) BỆNH LÝ HỌC THÚ Y

Phân tích mối quan hệ giữa bệnh lý và sức khỏe vật nuôi; các yếu tố ảnh hưởng; quá trình sinh dịch; vai trò của các yếu tố bên trong và bên ngoài cơ thể ảnh liên quan đến quá trình bệnh lý. Viêm; đổi mới và sửa chữa. Hiện tượng sốc; nguyên nhân; hậu quả. Rối loạn bệnh lý miễn dịch. Khối u: nguyên nhân; các trường hợp sinh khối u.

Phần thực hành bao gồm các nội dung: Quan sát diễn biến bệnh lý của một số tổn thương, phân tích tiến trình bệnh lý; Quan sát biểu hiện bệnh lý vi thể, phân tích mối quan hệ giữa bệnh lý đại thể và bệnh lý vi thể; Thực hành phân tích một số chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu trong một số trường hợp bệnh lý.

7) BỆNH DINH DƯỠNG

Học phần trình bày các nội dung: vai trò, ý nghĩa và sự trao đổi các chất dinh dưỡng protein, acid amin, các vi dinh dưỡng, năng lượng, và phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn thông qua protein và năng lượng; thu nhận và các yếu tố ảnh hưởng lượng ăn vào của vật nuôi. Trong chương trình Cao học chủ yếu nâng cao

kiến thức trong các lĩnh vực chuyển hóa các chất dinh dưỡng đối với động vật nhai lại; Dinh dưỡng các chất vi lượng: khoáng, vitamin, và các chất bổ sung; Mối tương tác của các chất dinh dưỡng trong quá trình chuyển hóa trong cơ thể.

8) VIRUS HỌC THÚ Y

Nội dung chương trình môn học là những thành tựu mới của chuyên ngành virus học, được sắp xếp thành những chuyên đề nghiên cứu sâu dưới dạng phân tích, tổng hợp như các phương pháp nghiên cứu phân lập, định lượng virus. Phương pháp tính các chỉ số gây nhiễm MID50, EID50, CPE50, TCID50, LD50... chỉ số trung hòa, các phương pháp xác định độc lực, các phương pháp thực hành nghiên cứu, chẩn đoán, xét nghiệm, phương pháp xác định chủng, loại virus bằng gen học, phương pháp giải trình tự virus.

9) DƯỢC LÝ HỌC THÚ Y

Môn dược lý thú y giúp học viên nâng cao kiến thức về dược lý thú y, đặc biệt là giải thích các cơ chế tác động của thuốc. Giới thiệu một số phương pháp hiện đại trong việc nghiên cứu dược thú y.

10) PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Khái niệm khoa học. Khái niệm nghiên cứu khoa học. Đề tài nghiên cứu khoa học. Khái niệm. Phán đoán. Suy luận. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Phương pháp khoa học. Bản chất của quan sát. Vấn đề nghiên cứu khoa học. Tài liệu. Thu thập tài liệu. Giả thuyết. Phương pháp thu thập dữ liệu từ tham khảo tài liệu. Phương pháp thu thập tài liệu từ thực nghiệm. Phương pháp thu thập tài liệu từ phi thực nghiệm. Viết và công bố kết quả nghiên cứu: Cách trình bày dữ liệu dạng bảng. Bảng dữ liệu mô tả. Bảng dữ liệu thống kê. Cách trình bày dữ liệu dạng hình. Biểu đồ cột và thanh. Biểu đồ tần suất. Biểu đồ phân tán. Biểu đồ đường biểu diễn. Biểu đồ hình bán nguyệt. Biểu đồ diện tích. Biểu đồ tam giác. Sơ đồ chuỗi. Sơ đồ cơ cấu tổ chức. Viết và công bố kết quả nghiên cứu: báo cáo khoa học, bài báo, luận văn...

11) DINH DƯỠNG ĐỘNG VẬT

Học phần trình bày các nội dung: vai trò, ý nghĩa và sự trao đổi các chất dinh dưỡng protein, acid amin, các vi dinh dưỡng, năng lượng, và phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn thông qua protein và năng lượng; thu nhận và các yếu tố ảnh hưởng lượng ăn vào của vật nuôi.

12) DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT

Các đối tượng, nội dung và phương pháp NC di truyền. Vai trò của di truyền đối với ngành chăn nuôi. Cơ sở vật chất di truyền ở mức phân tử và tế bào. Cấu trúc và hoạt động của gen, tổ chức của gen trong genom. Các quy luật di truyền của các tính

trạng. Di truyền xác định giới tính. Di truyền ngoại nhân và ảnh hưởng của dòng mẹ. Di truyền phân tử và ứng dụng của di truyền phân tử.

13) BỆNH SINH SẢN GIA SÚC

Môn học trình bày những bệnh chính, những bệnh mới và thường gặp trong chăn nuôi gia súc sinh sản. Các giải pháp hữu hiệu phòng và điều trị ứng dụng trong sản xuất.

Môn học có liên quan: bệnh truyền nhiễm, bệnh nội ngoại khoa, dược lý học thú y.

14) BỆNH NỘI KHOA GIA SÚC

Nghiên cứu những bệnh không lây của gia súc (bao gồm các bệnh ở hệ: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, bệnh về máu và hệ thống tạo máu...) và sử dụng những phương pháp thích hợp (nội khoa hoặc ngoại khoa) để can thiệp vào con bệnh.

15) BỆNH TRUYỀN LÂY GIỮA ĐỘNG VẬT VÀ NGƯỜI

Bệnh chung (hay bệnh lây) giữa động vật và người có tên gọi zoonosis là một từ ghép gốc Hy Lạp từ hai từ đơn “zoon” (có nghĩa là động vật) và “nosos” (có nghĩa là bệnh). Đôi khi từ zoonose được dùng thay cho zoonosis. Các bệnh chung (zoonoses) là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học như y học, nông nghiệp, môi trường v.v. và trở thành một mảng nghiên cứu lớn trong y học dự phòng (preventive medicine)

Bệnh truyền lây giữa động vật và người là một trong những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đây là những nguy cơ tiềm ẩn trên động vật và có thể gây thành dịch lớn như H5N1.

Các yếu tố gây bệnh thường xuất phát từ các nguyên nhân chính như : môi trường, phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng; điều kiện vệ sinh thú y, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, săn bắn động vật hoang dã làm thực phẩm cho con người.

Cũng theo đánh giá WHO, chính việc chưa có cơ chế phối hợp trao đổi thông tin giám sát bệnh truyền nhiễm giữa thú y và y tế là thách thức lớn nhất trong phòng chống bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người ở Việt Nam. Do vậy, một cơ chế phối hợp giữa ngành y tế và Thú y là yêu cầu cấp bách nhằm ngăn ngừa sự lây lan dịch bệnh từ động vật sang người. Để giải quyết các vấn đề trên, việc nghiên cứu Zoonosis, nhằm tìm biện pháp can thiệp đúng và kịp thời làm khắc phục và hạn chế dịch bệnh xảy ra là việc làm cần thiết. Do đó, học viên thường sẽ học môn này vào học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

16) BỆNH KÝ SINH TRÙNG THÚ Y

Bệnh ký sinh trùng ở gia súc và gia cầm là một trong những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến năng suất vật nuôi và thiệt hại kinh tế cho người sản xuất. Các yếu

tổ gây bệnh thường xuất phát từ các nguyên nhân chính như: môi trường, phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng ; điều kiện vệ sinh thú y không đảm bảo . Các nguyên nhân trên dẫn đến năng suất không cảm, chất lượng sản phẩm kém giá trị.

Để giải quyết các vấn đề trên , việc nghiên cứu môi trường sống của vật chủ, ký sinh trùng, những tác nhân của ký sinh trùng gây ra , nhằm tìm biện pháp can thiệp đúng và kịp thời làm giảm thiệt hại trong chăn nuôi là việc làm cần thiết .Do đó, học viên thường sẽ học môn này vào học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

17) BỆNH TRUYỀN NHIỄM ĐỘNG VẬT

- Những bệnh thường gặp, mới, những bệnh mới nổi dậy có tính chất phức tạp ở động vật và ở người.

- Những bệnh truyền nhiễm ở trâu, bò, heo, gia cầm...

- Một số phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm ở động vật

18) DỊCH TỄ HỌC THÚ Y

Cung cấp những kiến thức, những lý luận khoa học mới về dịch tễ học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học mô tả, dịch tễ học phân tích, dịch tễ học thực nghiệm, nghiên cứu ca bệnh, chùm bệnh, nhóm bệnh; kinh tế dịch tễ học và giám sát dịch tễ học.

19) CHUYÊN ĐỀ BỆNH CHÓ MÈO

Môn học về bệnh chó mèo là một môn học chuyên sâu về bệnh của loài cụ thể. Môn học sẽ cung cấp cho học viên các thông tin cơ bản về một số bệnh thường gặp ở chó, mèo như bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh của các cơ quan hệ thống: tiêu hóa, hô hấp, ngoại khoa...Môn học có mối liên quan đến hầu hết các môn học khác. Do đó, học viên thường sẽ học môn này vào học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

20) BỆNH CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Nuôi trồng thủy sản mang lại lợi nhuận cao nhưng dịch bệnh luôn là mối nguy hàng đầu gây thiệt hại lớn đến nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay. Nội dung học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về bệnh học thủy sản, mô tả những bệnh thường gặp do nhiều yếu tố gây ra như virus, vi khuẩn, nấm, kí sinh trùng,... Những kiến thức này giúp học viên có được những hiểu biết cơ bản về bệnh thủy sản để áp dụng trong thực tiễn nuôi tôm, cá hiện nay.

21) BỆNH CỦA ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Một số vấn đề cơ bản đối với thú y động vật hoang dã, như phòng trị bệnh, gây mê, cấp cứu, kỹ thuật mổ khám tử, phương pháp thu thập mẫu, sự khác biệt về sinh lý và cơ thể học của động vật hoang dã so với gia súc, từ đó có được kiến thức cơ bản trong việc chẩn đoán và điều trị.

22) CHUYÊN ĐỀ BỆNH GIA SÚC NHAI LẠI

Bệnh trên gia súc nhai lại là một trong những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến năng suất vật nuôi và thiệt hại kinh tế cho người sản xuất. Các yếu tố gây bệnh thường xuất phát từ các nguyên nhân chính như: Yếu tố dinh dưỡng; Yếu tố mùa vụ; Phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng không hợp lý; Điều kiện vệ sinh thú y không thỏa đáng. Các nguyên nhân trên đều có thể gây ra các bệnh về sinh sản, dinh dưỡng, truyền nhiễm và các bệnh kí sinh trùng. Để giải quyết các vấn đề trên, việc áp dụng đúng quy trình nuôi dưỡng; quy trình phòng bệnh hợp lý và biện pháp can thiệp kịp thời. Do đó, học viên thường sẽ học môn này vào học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

23) VỆ SINH THÚ Y

Môn học về vệ sinh thú y là các học phần nghiên cứu về các đối tượng vệ sinh thú y, mối liên quan giữa đối tượng vệ sinh thú y với bệnh truyền nhiễm và các gây ra do dinh dưỡng. Nghiên cứu về một số loại chất thải trong chăn nuôi có nguy cơ gây hại cho vật nuôi và môi trường chăn nuôi. Nghiên cứu về một số biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi.

24) THỐNG KÊ SINH HỌC VÀ THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM

Học phần này nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức , sự hiểu biết những kiến thức nâng cao về thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi: lực thống kê và kiểm tra giả thuyết thống kê , phân tích phương sai và phân tích sau phân tích phương sai , tương quan hồi quy , các kiểu thiết kế thí nghiệm như CRD , RCB, IRCB, LSD, Split-Plot, ứng dụng các phần mềm thống kê thông dụng để phân tích kết quả thí nghiệm.

25) NGOẠI KHOA THÚ Y

Nghiên cứu các chuyên đề: Gây mê động vật. Gây tê động vật. Nhiễm trùng ngoại khoa thú y. Vết thương ở vật nuôi. Phẫu thuật chuyên khoa.

26) HỆ THỐNG CHĂN NUÔI GIA SÚC NHIỆT ĐỚI

Hệ thống sản xuất chăn nuôi được được giới thiệu thông qua cách phân tích và đánh giá tổng thể của toàn bộ các yếu tố/thành phần hoạt động. Đồng thời xác định các mối quan hệ bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng và khả năng quản lý chúng của

người sản xuất. Nghiên cứu hệ thống dựa trên các quy luật hoạt động của tự nhiên nhưng cũng vừa là tổng thể và cụ thể, vừa là chung nhưng lại riêng, vừa là có giới hạn nhưng lại rất linh động.

Nghiên cứu hệ thống sản xuất chăn nuôi và đưa ra các giải pháp hay biện pháp cụ thể cho nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất trong chăn nuôi. Việc quản lý hệ thống dựa vào các nguyên lý, tiêu chí, tiêu chuẩn và đặc trưng của chúng để định hướng cho phát triển chăn nuôi ở các hệ sinh thái khác nhau, với các hình thức và phương thức nuôi khác nhau cho các loài gia súc, gia cầm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức khỏe và chất lượng môi trường. Phân tích và đánh giá sản xuất, năng suất, hiệu quả thông qua các hoạt động sản xuất, hoạt động tái sản xuất và cả hoạt động cộng đồng trên cơ sở phân tích các yếu tố đầu vào và đầu ra, cân đối và tính toán hiệu quả sản xuất theo lao động, diện tích chuồng trại, đơn vị đầu tư.

27) KHOA HỌC ONG MẬT

Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.

12. DANH MỤC ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Cán bộ cơ hữu

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần
1	Nguyễn Văn Diên	1962	TS	Thú y	Kí sinh trùng, Bệnh DV hoang dã
2	Phùng Quốc Chương	1955	TS	Thú y	Truyền nhiễm
3	Cao Văn Hồng	1957	TS	Dịch tễ học Thú y	Miễn dịch, Truyền nhiễm
4	Nguyễn Thị Oanh	1957	TS	Thú y	Dược lý học
5	Đình Nam Lâm	1965	TS	Thú y	Bệnh lý, Vi rút học
6	Trần Quang Hân	1958	TS	Giống – Di truyền	PP NCKH

7	Nguyễn Tấn Vui	1958	TS	Chăn nuôi động vật	Sinh lý
8	Trương Tấn Khanh	1956	TS	Chăn nuôi động vật	Dinh dưỡng, Bệnh dinh dưỡng
9	Phạm Thế Huệ	1958	TS	Chăn nuôi	Di truyền học
10	Trần Quang Hạnh	1965	TS	Chăn nuôi	Bệnh dinh dưỡng
11	Văn Tiến Dũng	1963	TS	Chăn nuôi	Thống kê Sinh học, Bệnh động vật nhai lại
12	Vũ Tiến Quang	1963	TS	Chăn nuôi	Khoa học ong mật, Hệ thống chăn nuôi nhiệt đới
13	Nguyễn Văn Tuyên	1952	TS	Triết học	Triết học
14	Nguyễn Tuấn Hùng	1963	TS	Chăn nuôi	Sinh lý, Bệnh sinh sản
15	Y Trou Alio	1958	TS	Anh văn	Tiếng Anh

Cán bộ mời giảng

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần
	Nguyễn Cảnh Tự	1960	TS	Thú y	Bệnh nội khoa
	Hoàng Mạnh Lâm	1954	TS	Thú y	Miễn dịch học thú y
	Vũ Như Quán	1954	TS	Thú y	Ngoại khoa Thú y
	Nguyễn Thị Thu Hà	1959	TS	Thủy sản	Bệnh động vật thủy sản
	Vũ Chí Cương	1956	TS	Chăn nuôi	Hệ thống chăn nuôi
	Nguyễn Đức Tân	1962	TS	Thú y	Bệnh Ký sinh trùng
	Nguyễn Văn Thanh	1954	TS	Thú y	Vì rút học Thú Y

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Sử dụng các phòng thí nghiệm hiện có của các khoa Nông Lâm, Sư phạm trong trường. Đã có các phòng thí nghiệm, thực hành sau phục vụ cho đào tạo:

TT	Tên Phòng thí nghiệm	Số lượng	Diện tích/phòng (m ²)
1	Phòng thí nghiệm sinh học	01	60
2	Phòng thí nghiệm Chăn nuôi	01	65
3	Phòng thí nghiệm Thú Y cơ sở	01	65

4	Phòng thí nghiệm Thú y chuyên ngành	01	70
5	Trạm xá Thú y	01	70
6	Cơ sở thực tập tại trại Chăn nuôi	01	85
7	Viện Công nghệ sinh học và môi trường	01	400

13.2. Thư viện

Trung tâm tư liệu và thư viện trường sẽ thu thập và cung cấp giáo trình, bài giảng, sách tham khảo. Sử dụng giáo trình, bài giảng và các loại tài liệu tham khảo khác do cán bộ giảng dạy của trường biên soạn hoặc của các trường khác trong và ngoài nước.

13.3. Địa bàn thực tập

Trường đóng trên địa bàn Tây Nguyên nên có nhiều thuận lợi trong tổ chức thực tập giáo trình trên hiện trường. Địa điểm thực tập là các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, công ty lâm nghiệp, địa phương ở các tỉnh Tây Nguyên.

13.4 Giáo trình, tập bài giảng

Số TT	Tên sách, tập chỉ phục vụ ngành đào tạo	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
.	Bệnh thường gặp ở bò sữa Việt Nam.....(tập I)	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh thường gặp ở bò sữa Việt Nam.....(tập II)	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh thường thấy ở chó và biện pháp phòng trị	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh trâu bò ở Việt Nam và biện pháp phòng trị	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh ký sinh trùng ở gia cầm	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh ký sinh trùng ở gia súc	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng trị (Tập I)	Việt Nam	1991	20
.	Bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng trị (Tập II)	Việt Nam	1991	20
.	Dịch tễ học thú y	Việt Nam	2001	20
0.	Sinh sản gia súc	Việt Nam	2001	20

1.	Veterinary parasitology reference manual	USA	1990	10
2.	Ticks and tick - borne diseases	Zimbabwe	1986	14
3.	Haemorrhagic Septicaemia	Úc	1999	10
4.	Fungi and mycotoxins in stored products	ThaiLan	1991	10
5.	Diagnosis of Avian diseases	Malaysia	1992	12
6.	Veterinary epidemiology	Anh	1991	10
7.	Manual of Standards for Diagnostic tests and Vaccines		1996	08
8.	Veterinary parasitologyVeterinary parasitology	Scotland	2 ^{sd} Edition	05
9.	Georgis' Parasitology for Veterinarians	Nhật	7 th Edition	05
0.	Veterinary medicine Tập I	Hồng Kông	6 th Edition	05
1.	Veterinary medicine Tập II	Hồng Kông	6 th Edition	05
2.	The Merck veterinary manual		1991	07
3.	Biotechnology	EURO	1995	05
4.	Fasciolosis	USA	1999	03
5.	Understanding Animal health in southeast Asia	Úc	1999	02
6.	Veterinary immunology An Introduction	Nhật	1992	04
7.	Disiases of Swine	Úc	1996	05

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo tất cả các học phần diễn ra trong 3 học kỳ đầu tiên, học kỳ 4 để thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên để có thời gian chuẩn bị và thực hiện tốt luận văn tốt nghiệp, học viên được đăng ký đề tài tốt nghiệp vào cuối học kỳ 2.

Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đắc Lắc, ngày 08 tháng 01 năm 2015

TRƯỞNG KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

PGS.TS. Nguyễn Văn Diên

TS. Trần Trung Dũng